

Bản án số: 97/2018/HS-ST
Ngày: 29- 11- 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hồng Vân

2. Bà Đoàn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/9/1980; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1928; Con bà: Đàm Thị T, sinh năm 1950; Có vợ là: Lê Thị Minh H, sinh năm 1981, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 34 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2016; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/9/2018 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ lưu giam Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đinh Công L, sinh năm 1985 – Có mặt

Trú tại: Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Đàm Thị T, sinh năm 1950 – Có mặt

Trú tại: Xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh T

+ **Người làm chứng:** Anh Trần H, sinh năm 1982 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 23/9/2018, Nguyễn Văn T đi nhờ xe của một người không quen biết từ nhà đến khu vực ngã 3 thuộc xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh T thì xuống xe. T đi vào chợ P để ăn sáng thì nhìn thấy anh Đinh Công L (sinh năm 1985, trú tại: xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh T) đang bán thịt lợn cạnh cổng chính chợ. Do quen biết với nhau từ nhỏ, T đến nói chuyện với anh L rồi đi vào trong chợ để ăn sáng. Khoảng 15 phút sau, T từ trong chợ đi ra. Khi đi ngang qua bàn bán thịt lợn, T không thấy anh L ở đó. Lúc này, T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô của anh L dựng chân chống phụ ngang sát phía trước bàn thịt lợn của anh L, đầu xe quay về hướng đường đi xã T, huyện Đ, đuôi xe hướng về đường đi xã V, huyện Đ. Chiếc xe mô tô có đặc điểm là xe Honda Wave, màu đen xám, BKS: 20B1-03128, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Thấy vậy, T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu sài. T liền đến gần và đi vòng quanh chiếc xe để quan sát xung quanh nhưng không thấy ai trông coi. T liền đến cạnh chiếc xe, để túi quần áo vào giá giữa xe, ngồi lên xe nổ máy rồi điều khiển xe theo hướng đi UBND xã T, rồi rẽ ra xã Q, huyện Đ. Khi đi đến Km 11, xã Q, huyện Đ, T thấy 01 quán sửa xe mô tô bên phải đường (sau xác định chủ quán là anh Trần H, sinh năm 1982, trú tại: xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh T), T rẽ vào quán để bán chiếc xe vừa lấy trộm được. T hỏi anh H có mua xe không có giấy tờ không? Anh H nói không mua. Lúc này, tại quán có 01 đôi nam nữ, nói tiếng dân tộc, không rõ tên, lai lịch, địa chỉ đang ngồi chờ sửa xe. Nam thanh niên hỏi T có bán xe không để giới thiệu người mua, T nói có bán. Nam thanh niên tiếp tục hỏi T “xe có giấy tờ không” thì T trả lời “không có”. Lúc này, nam thanh niên gọi điện cho ai đó xong rồi hỏi T “có bán chiếc xe với giá 1.500.000đ không?”. T trả lời “có bán”. Sau đó, nam thanh niên chở người phụ nữ đi trước, bảo T đi theo sau. Khi đi đến cổng chợ L thuộc huyện V, tỉnh T thì rẽ vào đường hướng đi xã C, huyện V. Đi được khoảng 50m thì nam thanh niên bảo T đứng đợi. Khoảng 15 phút sau có 01 người đàn ông (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đi xe mô tô loại xe Exciter, màu sơn xanh trắng, trên xe chở một người phụ nữ và 01 cháu nhỏ khoảng 03 tuổi xuống xe nói chuyện với nam thanh niên đi cùng T. Người đàn ông nói với T cho mượn xe đi thử. Sau khi đi thử được vài chục mét, người đàn ông quay lại, nhất trí mua xe và đưa cho T số tiền 1.500.000đ. Lúc này, T cho nam thanh niên đưa T đi bán xe số tiền 100.000đ do nam thanh niên đòi công giới thiệu bán xe. Sau khi bán được xe, T đón xe đi thôn M, xã Đ, huyện Đ, thành phố H. Đến sáng 24/9/2018, sau khi biết việc lấy trộm xe đã bị phát giác, T quay lại khu vực chợ L, huyện V, tỉnh T để tìm người đã mua chiếc xe để chuộc lại nhưng không tìm được.

Ngày 23/9/2018, anh Đinh Công L đã có đơn trình báo, đề nghị Công an xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết.

Tại Kết luận số 43/ĐGTS/HS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ, kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen xám, BKS: 20B1- 031.28, số máy JC43E-1679620, số khung BY 125561, xe đã qua sử dụng, ngày đăng ký 28/03/2011, tại thời điểm ngày 23/9/2018 có giá trị: 7.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án là 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen xám, BKS: 20B1- 031.28, số máy JC43E-1679620, số khung BY 125561, xe đã qua sử dụng. Hiện không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự: Chưa giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKSĐH, ngày 13/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù giam. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo và bị hại đã thỏa thuận giải quyết xong nên không xem xét.

Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo số tiền 1.500.000 đồng do phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 08 giờ ngày 23/9/2018, tại khu vực chợ P thuộc xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh T, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh Đinh Công L, sinh năm 1985, trú tại: xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh T 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen xám, BKS: 20B1- 031.28, số máy JC43E-1679620, số khung BY 125561, xe đã qua sử dụng, có trị giá 7.000.000 đồng. Sau đó bị cáo đã đem chiếc xe mô tô trên đi bán tại khu vực chợ L, huyện V cho một người đàn ông đi cùng với một người phụ nữ không rõ tên, lai lịch, địa chỉ lấy số

tiền 1.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Hiện nay chiếc xe mô tô trên không thu hồi được.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, phù hợp thời gian, địa điểm và diễn biến hành vi phạm tội, biên bản định giá tài sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; sơ đồ hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T được xác định là chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, năm 2014 bị TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 34 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động để gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục xong hậu quả cho bị hại; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn N được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì và mẹ đẻ là bà Đàm Thị T được Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen vì có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú; do đó, cần áp dụng hình phạt tù, buộc cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị

cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng, là đối tượng nghiện chất ma túy nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã thỏa thuận giải quyết xong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu lời bất chính do bị cáo bán chiếc xe mô tô trộm cắp mà có, đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong hồ sơ có lưu theo 01 chiếc USB có chứa file trích xuất hình ảnh từ Camera của gia đình anh Phạm Anh T ở xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh T là chứng cứ trong vụ án nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này T khai có một thanh niên đã giới thiệu T bán xe cho một người đàn ông và một phụ nữ ở khu vực xã L, huyện V, tỉnh T; do không xác định được tên tuổi, lai lịch, địa chỉ của nam thanh niên giới thiệu bán xe và người đàn ông mua xe của T nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở để điều tra xác minh, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt: **Nguyễn Văn T** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2018. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Quyết định tạm giam Nguyễn Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Nguyễn Văn T do phạm tội mà có.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ;
- Bị cáo, Bị hại; Người có QL,NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc